

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

MỤC LỤC	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán đối với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	3 - 4
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	5 - 22
Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	23 - 44

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 0305066125 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 5 tháng 7 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất ngày 28 tháng 1 năm 2026.	
Giấy phép thành lập và hoạt động	Số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 5 tháng 7 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 06/GPĐC-UBCK được cấp ngày 13 tháng 1 năm 2026.	
Hội đồng Quản trị	Ông Shin Hyun Jae	Chủ tịch (từ ngày 4 tháng 4 năm 2025) Thành viên (từ ngày 3 tháng 4 năm 2025 đến ngày 4 tháng 4 năm 2025)
	Ông Lee Hun Woo	Quyền Chủ tịch (từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 4 tháng 4 năm 2025) Thành viên (đến ngày 1 tháng 1 năm 2025 từ ngày 4 tháng 4 năm 2025)
	Ông Choi Eun Suk	Thành viên (từ ngày 3 tháng 4 năm 2025)
	Ông Park Won Sang	Chủ tịch (đến ngày 1 tháng 1 năm 2025) Thành viên (từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 3 tháng 4 năm 2025)
	Ông Chun Sung Woo	Thành viên (đến ngày 3 tháng 4 năm 2025)
Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thị Hoa Bà Nguyễn Thị Cẩm Thanh Bà Nguyễn Thị Cẩm Phương	Trưởng ban Thành viên Thành viên (đến ngày 28 tháng 11 năm 2025)
Tổng Giám đốc	Ông Shin Hyun Jae	Tổng Giám đốc (từ ngày 5 tháng 2 năm 2025)
	Ông Park Won Sang	Tổng Giám đốc (đến ngày 5 tháng 2 năm 2025)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Shin Hyun Jae	Tổng Giám đốc (từ ngày 5 tháng 2 năm 2025)
	Ông Park Won Sang	Tổng Giám đốc (đến ngày 5 tháng 2 năm 2025)
Trụ sở chính	Tầng 3 và Tầng 11, Tòa nhà ROX, Số 180-192 Nguyễn Công Trứ, Phường Bến Thành, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (“Báo cáo”) phù hợp với các quy định của Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 91/2020/TT-BTC”) quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính, Thông tư 102/2025/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 29 tháng 10 năm 2025 (“Thông tư 102/2025/TT-BTC”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 91/2020/TT-BTC và các diễn giải được áp dụng nêu tại Thuyết minh 2.1 của Báo cáo.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập Báo cáo tuân thủ theo phương pháp lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được trình bày ở Thuyết minh 3 của Báo cáo. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo từ trang 5 đến trang 44. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Thông tư 91/2020/TT-BTC, Thông tư 102/2025/TT-BTC và các diễn giải được áp dụng nêu tại Thuyết minh 2.1 của Báo cáo.



Shin Hyun Jae
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 4 tháng 3 năm 2026



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 kèm theo (“Báo cáo”) của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (“Công ty”) được Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn vào ngày 4 tháng 3 năm 2026. Báo cáo này bao gồm báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và thuyết minh bao gồm cơ sở và phương pháp lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính từ trang 5 đến trang 44.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo phù hợp với các quy định của Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 91/2020/TT-BTC”) quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính, Thông tư 102/2025/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 29 tháng 10 năm 2025 (“Thông tư 102/2025/TT-BTC”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 91/2020/TT-BTC và các diễn giải được áp dụng nêu tại Thuyết minh 2.1 của Báo cáo và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trong Báo cáo. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các diễn giải của Tổng Giám đốc khi áp dụng các văn bản pháp quy, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty đã được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các quy định của Thông tư 91/2020/TT-BTC, Thông tư 102/2025/TT-BTC và các diễn giải được áp dụng nêu tại Thuyết minh 2.1 của Báo cáo.

Mục đích và cơ sở lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và giới hạn sử dụng báo cáo kiểm toán

Không phủ nhận kết luận nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2.1 của Báo cáo về mục đích và cơ sở lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Báo cáo này được lập chỉ nhằm tuân thủ các quy định của Thông tư 91/2020/TT-BTC và Thông tư 102/2025/TT-BTC về chỉ tiêu an toàn tài chính và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Do đó, báo cáo kiểm toán này và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền



Đào Trọng Hoàng
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
5620-2026-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM17609
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2026

Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam
Số Công văn:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

TP Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2026

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được lập trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2025 và các diễn giải được áp dụng nêu tại Thuyết minh 2.1 của Báo cáo;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng

Trương Thị Kim Dung

**Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ**

Phan Tuyết Minh

Tổng Giám đốc



Shin Hyun Jae

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

TT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng (VND)	Khoản giảm trừ (VND)	Khoản tăng thêm (VND)
		(1)	(2)	(3)
A	Vốn chủ sở hữu			
1	Vốn góp của chủ sở hữu	4.549.693.040.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần	-		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn	-		
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-		
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	-		
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	47.089.302.795		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	47.089.302.795		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đã thực hiện	2.331.682.104.424		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	41.464.314.221		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		-	-
16	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	Tổng		7.017.018.064.235	

Các thuyết minh từ trang 23 đến trang 44 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

TT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng (VND)	Khoản giảm trừ (VND)	Khoản tăng thêm (VND)
		(1)	(2)	(3)
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tài sản tài chính		20.545.161.920	
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		9.000.000.000	
4	Các khoản cho vay			
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			
7	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		11.545.161.920	
	- Phải thu còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán			-
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			-
10	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
	- Phải thu còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán			-
11	Phải thu nội bộ			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
	- Phải thu còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán			-

Các thuyết minh từ trang 23 đến trang 44 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

TT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng (VND)	Khoản giảm trừ (VND)	Khoản tăng thêm (VND)
		(1)	(2)	(3)
B	Tài sản ngắn hạn (tiếp theo)			
<i>I</i>	<i>Tài sản tài chính (tiếp theo)</i>			
12	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
	- Phải thu còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán			-
13	Các khoản phải thu khác			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
	- Phải thu còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán			-
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			
<i>II</i>	<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>		9.353.167.958	
1	Tạm ứng			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		119.554.800	
	- Tạm ứng còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán			-
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ			-
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		7.564.464.598	
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn			-
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ			-
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			-
7	Tài sản ngắn hạn khác		1.669.148.560	
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
1B	Tổng		29.898.329.878	

Các thuyết minh từ trang 23 đến trang 44 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

TT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng (VND)	Khoản giảm trừ (VND)	Khoản tăng thêm (VND)
		(1)	(2)	(3)
C	Tài sản dài hạn			
<i>I</i>	<i>Tài sản tài chính dài hạn</i>			
1	Các khoản phải thu dài hạn			-
2	Các khoản đầu tư			
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
2.2	Đầu tư vào công ty con			-
2.3	Đầu tư dài hạn khác			-
<i>II</i>	<i>Tài sản cố định</i>		163.630.053.831	
<i>III</i>	<i>Bất động sản đầu tư</i>			-
<i>IV</i>	<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>			-
<i>V</i>	<i>Tài sản dài hạn khác</i>		32.049.082.729	
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		5.806.494.150	
2	Chi phí trả trước dài hạn		5.384.562.097	
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			-
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		20.858.026.482	
5	Tài sản dài hạn khác			-
<i>VI</i>	<i>Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</i>			
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5, Thông tư 91/2020/TT-BTC và Thông tư 102/2025/TT-BTC			-
1C	Tổng			195.679.136.560
D	Tài khoản ký quỹ đảm bảo			
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)		10.023.350.078	
1.2	Giá trị đóng góp vào Quỹ Bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ		46.508.842.080	
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		263.516.000.000	
2	Giá trị tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ của công ty chứng khoán và tổ chức, cá nhân khác			-
1D	Tổng			320.048.192.158
VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D				6.471.392.405.639

Các thuyết minh từ trang 23 đến trang 44 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			-
1	Tiền (VND) và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	0	580.763.174.630	-
2	Các khoản tương đương tiền	0	1.553.186.568.294	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0	-	-
II.	Trái phiếu Chính phủ			-
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định		-	-
5.1	Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD, Trái phiếu chính quyền địa phương	3	-	-
III.	Trái phiếu niêm yết và chưa niêm yết của tổ chức tín dụng			44.826.471.462
6	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	0	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	3	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	5	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	448.264.714.623	44.826.471.462

Các thuyết minh từ trang 23 đến trang 44 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

A GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
IV.	Trái phiếu doanh nghiệp			159.679.319.242
	Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết			8.461.025.902
7	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	0	41.573.037.893	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	5	100.284.048.182	5.014.202.409
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	22.978.823.286	3.446.823.493
	Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết			60.471.637.650
8	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	5	100.000.000.000	5.000.000.000
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	332.703.362.002	33.270.336.200
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	111.006.507.251	22.201.301.450
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35	-	-

Các thuyết minh từ trang 23 đến trang 44 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

A GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
Rủi ro cộng thêm theo kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với trái phiếu/tổ chức phát hành:				90.746.655.690
	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam, được tổ chức VIS Rating xếp hạng mức A+ công bố ngày 8 tháng 5 năm 2025	5	12.099.689.500	604.984.475
	Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam được tổ chức Saigon Rating xếp hạng mức vnA công bố ngày 3 tháng 10 năm 2025	5	10.402.028.802	520.101.440
	Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh được tổ chức Saigon Rating xếp hạng mức vnA+ công bố ngày 25 tháng 12 năm 2025	5	22.978.823.286	1.148.941.164
	Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long, được tổ chức FiinRating xếp hạng mức A- công bố ngày 25 tháng 10 năm 2025	5	142.572.507.252	7.128.625.362
	Công ty cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa được tổ chức Saigon Rating xếp hạng mức vnA+ công bố ngày 24 tháng 4 năm 2025	5	30.054.736.012	1.502.736.802
	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam được tổ chức FiinRating xếp hạng mức A công bố ngày 12 tháng 4 năm 2025	5	46.147.056.168	2.307.352.808
	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP được tổ chức VIS Rating xếp hạng mức A công bố ngày 1 tháng 8 năm 2025	5	48.066.399.146	2.403.319.957
	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh được tổ chức FiinRating xếp hạng mức A công bố ngày 29 tháng 9 năm 2025	5	97.294.456.284	4.864.722.815
	Tổng Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn được tổ chức VIS Rating xếp hạng mức BBB+ công bố ngày 5 tháng 12 năm 2025	5	40.011.726.027	2.000.586.301
	Công ty cổ phần Thuận Đức được tổ chức Saigon Rating xếp hạng mức vnBBB công bố ngày 8 tháng 12 năm 2025	5	49.060.450.198	2.453.022.510
	CTCP đầu tư và thương mại TNG, không có thông tin xếp hạng tín nhiệm	10	51.223.597.984	5.122.359.798
	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, được tổ chức Fitch Rating xếp hạng mức BB- công bố ngày 22 tháng 4 năm 2025	10	85.344.279.793	8.534.427.979
	Công ty CP Camimex Group, không có thông tin xếp hạng tín nhiệm	10	31.171.009.091	3.117.100.909
	Tổng Công ty Phát Triển Đô thị Kinh Bắc, không có thông tin xếp hạng tín nhiệm	10	100.000.000.000	10.000.000.000
	Công ty Cổ phần Tập Đoàn ASG, không có thông tin xếp hạng tín nhiệm	10	183.004.500.816	18.300.450.082
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, được tổ chức Moody's xếp hạng mức Ba2 công bố ngày 19 tháng 3 năm 2025	10	103.673.698.630	10.367.369.863
	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, được tổ chức Fitch Rating xếp hạng mức BB+ công bố ngày 23 tháng 5 năm 2025	10	103.705.534.248	10.370.553.425

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

A GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
V.	Cổ phiếu			16.109.274.320
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán	10	161.054.200.600	16.105.420.060
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết và đã đăng ký giao dịch qua hệ thống UPCoM	20	19.271.300	3.854.260
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30	-	-
VI.	Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			25.748.077.916
12	Quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10	257.480.779.161	25.748.077.916
13	Quỹ thành viên	50	-	-
14	Công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30	-	-
VII.	Chứng khoán bị cảnh báo, kiểm soát, hạn chế giao dịch, tạm ngừng, đình chỉ, hủy niêm yết, hủy giao dịch			107.879.633
15	Chứng khoán bị cảnh báo	35	12.572.430	4.400.351
16	Chứng khoán bị kiểm soát	40	9.642.330	3.856.932
17	Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch	60	46.914.340	28.148.604
18	Chứng khoán bị đình chỉ giao dịch	70	83.650.000	58.555.000
19	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	80	16.148.433	12.918.746
VIII.	Chứng khoán phái sinh			-
20	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu (Thuyết minh A)	8	-	-
21	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3	-	-

Các thuyết minh từ trang 23 đến trang 44 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

A GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)	
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)	
IX.	Chứng khoán khác			39.493.638.974	
22	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25	-	-	
23	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100	-	-	
24	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8	11.210.489.000	896.839.120	
25	Giao dịch chênh lệch giá	2	-	-	
26	Cổ phần, phần vốn góp, các loại chứng khoán khác và các tài sản đầu tư khác	80	25.102.994.305	20.082.395.444	
27	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành	Thuyết minh B	-	-	
28	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)	10	85.314.131.500	8.531.413.150	
29	Phần chênh lệch dương giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm		99.829.912.600	9.982.991.260	
X.	Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)			-	
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm (%)	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro tăng thêm (VND)
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX+X)				285.964.661.547	

Các thuyết minh từ trang 23 đến trang 44 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

A GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Thuyết minh A – Giá trị rủi ro thị trường của hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu

	Giá trị VND
Giá trị thanh toán cuối ngày (A)	280.522.360.000
Trừ: Giá trị chứng khoán mua vào để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai (B)	-
Giá trị tiềm ẩn rủi ro thị trường ($\max\{A-B;0\}$)	-
Hệ số rủi ro của hợp đồng tương lai (r)	8%
Giá trị rủi ro chưa trừ giá trị kỳ quỹ ($C = \max\{A-B;0\} \times r$)	22.441.788.800
Trừ: Giá trị kỳ quỹ (phần đóng góp vào Quỹ bù trừ đối với vị thế mở của công ty chứng khoán) (D)	46.508.842.080
Giá trị rủi ro = $\text{MAX}\{C-D;0\}$	-

Tại ngày báo cáo, Công ty không có rủi ro thị trường đối với hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ

Thuyết minh B – Giá trị rủi ro thị trường của chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành

	CHDB2505 HDB	CMWG2508 MWG	CSHB2505 SHB	CSHB2508 SHB	CSHB2509 SHB	Tổng
Các chứng quyền có lãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2025						
Chứng khoán cơ sở						
Bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong 5 ngày giao dịch liền trước ngày tính toán (Po)	28.080	87.400	16.350	16.350	16.350	16.350
Số lượng chứng quyền đang lưu hành của công ty chứng khoán (Qo)	2.000.000	1.457.500	4.000.000	2.422.900	4.000.000	4.000.000
Tỷ lệ chuyển đổi (k)	3,084	9,858	1,705	1,770	1,770	1,770
Giá của chứng khoán cơ sở (P1)	29.700	88.400	16.350	16.350	16.350	16.350
Số lượng chứng khoán cơ sở mà công ty chứng khoán dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán chứng quyền có bảo đảm do mình phát hành (Q1)	525.342	136.700	2.062.005	1.037.988	2.257.882	2.257.882
Hệ số rủi ro thị trường của chứng quyền (r)	8%	8%	8%	8%	8%	8%
Giá trị kỳ quỹ (MD)	2.200.000.000	825.000.000	8.260.000.000	7.615.000.000	7.320.000.000	7.320.000.000
Giá trị rủi ro = $\text{Max}\{(Po \times Qo / k - P1 \times Q1) \times r - MD;0\}$	-	-	-	-	-	-

Các thuyết minh từ trang 23 đến trang 44 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

A GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Thuyết minh B – Giá trị rủi ro thị trường của chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành (tiếp theo)

Các chứng quyền có lãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	CSHB2510 SHB	CSTB2512 STB	CSTB2523 STB	CVHM2518 VHM	CVHM2521 VHM	Tổng
Chứng khoán cơ sở						
Bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong 5 ngày giao dịch liền trước ngày tính toán (Po)	16.350	58.260	58.260	116.700	116.700	
Số lượng chứng quyền đang lưu hành của công ty chứng khoán (Qo)	4.000.000	117.000	5.000.000	1.756.800	4.000.000	
Tỷ lệ chuyển đổi (k)	1,7698	4	8	8	8	
Giá của chứng khoán cơ sở (P1)	16.350	58.000	58.000	124.000	124.000	
Số lượng chứng khoán cơ sở mà công ty chứng khoán dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán chứng quyền có bảo đảm do mình phát hành (Q1)	2.246.356	36.154	372.875	176.423	329.616	
Hệ số rủi ro thị trường của chứng quyền (r)	8%	8%	8%	8%	8%	
Giá trị ký quỹ (MD)	7.700.000.000	3.150.000.000	2.750.000.000	7.125.000.000	2.200.000.000	
Giá trị rủi ro = Max {(Po x Qo / k – P1 x Q1) x r – MD;0}	-	-	-	-	-	-

Các chứng quyền có lãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	CVHM2522 VHM	CVIC2511 VIC	CVIC2513 VIC	CVIC2514 VIC	CVJC2505 VJC	Tổng
Chứng khoán cơ sở						
Bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong 5 ngày giao dịch liền trước ngày tính toán (Po)	116.700	161.060	161.060	161.060	208.500	
Số lượng chứng quyền đang lưu hành của công ty chứng khoán (Qo)	1.177.400	2.179.900	275.700	689.200	187.000	
Tỷ lệ chuyển đổi (k)	8	4	5	5	20	
Giá của chứng khoán cơ sở (P1)	124.000	169.600	169.600	169.600	209.000	
Số lượng chứng khoán cơ sở mà công ty chứng khoán dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán chứng quyền có bảo đảm do mình phát hành (Q1)	74.951	542.224	55.895	139.093	10.975	
Hệ số rủi ro thị trường của chứng quyền (r)	8%	8%	8%	8%	8%	
Giá trị ký quỹ (MD)	2.200.000.000	8.800.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000	6.000.000.000	
Giá trị rủi ro = Max {(Po x Qo / k – P1 x Q1) x r – MD;0}	-	-	-	-	-	-

Các thuyết minh từ trang 23 đến trang 44 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

A GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Thuyết minh B – Giá trị rủi ro thị trường của chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành (tiếp theo)

Các chứng quyền có lãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	CVJC2506 VJC	CVPB2510 VPB	CVPB2518 VPB	CVPB2519 VPB	CVPB2520 VPB	CVRE2518 VRE	Tổng
Chứng khoán cơ sở	208.500	28.450	28.450	28.450	28.450	32.780	
Bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong 5 ngày giao dịch liền trước ngày tính toán (Po)	1.341.900	164.300	81.800	219.500	960.500	385.800	
Số lượng chứng quyền đang lưu hành của công ty chứng khoán (Qo)	10	1.947	4	4	4	4	
Tỷ lệ chuyển đổi (k)	209.000	28.650	28.650	28.650	28.650	33.650	
Giá của chứng khoán cơ sở (P1)	107.625	78.677	13.825	55.883	195.442	88.073	
Số lượng chứng khoán cơ sở mà công ty chứng khoán dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán chứng quyền có bảo đảm do mình phát hành (Q1)	8%	8%	8%	8%	8%	8%	
Hệ số rủi ro thị trường của chứng quyền (r)	1.100.000.000	13.895.000.000	4.480.000.000	7.140.000.000	7.200.000.000	2.705.000.000	
Giá trị ký quỹ (MD)	-	-	-	-	-	-	
Giá trị rủi ro = Max {(Po x Qo / k – P1 x Q1) x r – MD;0}	-	-	-	-	-	-	

Các chứng quyền có lãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	CVRE2519 VRE	CTPB2505 TPB	CLPB2505 LPB	CLPB2506 LPB	CLPB2507 LPB	CLPB2508 LPB	Tổng
Chứng khoán cơ sở	32.780	17.020	41.800	41.800	41.800	41.800	
Bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong 5 ngày giao dịch liền trước ngày tính toán (Po)	739.600	1.000.000	287.400	103.800	146.800	264.200	
Số lượng chứng quyền đang lưu hành của công ty chứng khoán (Qo)	4	3.813	4	5	5	8	
Tỷ lệ chuyển đổi (k)	33.650	17.100	41.800	41.800	41.800	41.800	
Giá của chứng khoán cơ sở (P1)	159.883	252.183	49.742	17.091	19.831	20.512	
Số lượng chứng khoán cơ sở mà công ty chứng khoán dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán chứng quyền có bảo đảm do mình phát hành (Q1)	8%	8%	8%	8%	8%	8%	
Hệ số rủi ro thị trường của chứng quyền (r)	2.750.000.000	1.050.000.000	5.400.000.000	5.500.000.000	4.900.000.000	2.940.000.000	
Giá trị ký quỹ (MD)	-	-	-	-	-	-	
Giá trị rủi ro = Max {(Po x Qo / k – P1 x Q1) x r – MD;0}	-	-	-	-	-	-	

Các thuyết minh từ trang 23 đến trang 44 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

B GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

	Giá trị rủi ro VND
Rủi ro trước thời hạn thanh toán (<i>Thuyết minh B.1</i>)	96.747.112.906
Rủi ro quá thời hạn thanh toán (<i>Thuyết minh B.2</i>)	41.464.314.221
Rủi ro từ các khoản tạm ứng, hợp đồng, giao dịch khác (<i>Thuyết minh B.3</i>)	-
Rủi ro tăng thêm (<i>Thuyết minh B.4</i>)	5.636.549.547
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	143.847.976.674

1. Rủi ro trước thời hạn thanh toán

TT	Hệ số rủi ro (%) Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro (VND)
		0% (1)	0,8% (2)	3,2% (3)	4,8% (4)	6% (5)	8% (6)	
1	Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo, các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác	-	3.733.316.766	-	-	92.651.194.098	362.602.042	96.747.112.906
2	Cho vay tài sản tài chính (hoặc các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất)	-	-	-	-	-	-	-
3	Vay tài sản tài chính (hoặc các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất)	-	-	-	-	-	-	-
4	Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại (hoặc các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất)	-	-	-	-	-	-	-
5	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại (hoặc các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất)	-	-	-	-	-	-	-
TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN								96.747.112.906

Các thuyết minh từ trang 23 đến trang 44 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

B GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (tiếp theo)

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được xác định như sau:

TT	Đối tác thanh toán cho Công ty	Hệ số rủi ro thanh toán
(1)	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	0%
(2)	Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	0,8%
(3)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty	3,2%
(4)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty	4,8%
(5)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6%
(6)	Các tổ chức, cá nhân, đối tượng khác	8%

2. Rủi ro quá thời hạn thanh toán

Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16	-	-
Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32	-	-
Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48	-	-
Trên 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100	41.464.314.221	41.464.314.221
TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN			41.464.314.221

Các thuyết minh từ trang 23 đến trang 44 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025****II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)****B GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (tiếp theo)****3. Rủi ro từ các khoản tạm ứng, hợp đồng, giao dịch khác**

	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
Các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn theo <i>Thuyết minh 3.4 (j)</i> ; Các hợp đồng cam kết mua lại, bán lại chứng khoán hoặc các hợp đồng có tính chất tương tự trừ các hợp đồng quy định tại <i>Thuyết minh 3.4(j)</i> ; Các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Việt Nam (DATC).			-
- Hợp đồng, thỏa thuận đặt cọc mua bất động sản, các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	150	-	-
- Các khoản cho vay, phải thu khách hàng khác không thuộc quy định tại <i>Thuyết minh 3.4(đ)</i> và <i>Thuyết minh 3.4(e)</i>	150	-	-
- Các hợp đồng, giao dịch khác	100	-	-
Khoản tạm ứng			
- Chiếm từ 0% đến 2% vốn chủ sở hữu tại thời	8	-	-
- Chiếm trên 2% đến dưới 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	50	-	-
- Chiếm từ 5% trở lên vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	100	-	-
TỔNG RỦI RO HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH KHÁC			-

4. Rủi ro tăng thêm

TT	Chi tiết tới từng đối tác	Mức tăng thêm (%)	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
1	BIDV	10%	6%	56.365.495.467	5.636.549.547
TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM					5.636.549.547

Các thuyết minh từ trang 23 đến trang 44 là một phần cấu thành của Báo cáo này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

C GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

TT	Chỉ tiêu	Giá trị rủi ro VND
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025	2.133.012.272.506
II	Trừ: Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (<i>Thuyết minh C</i>)	910.435.200.421
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	1.222.577.072.085
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% x III)	305.644.268.021
V	20% Vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của Công ty	180.000.000.000
	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Max {IV; V})	305.644.268.021

Thuyết minh C – Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí

Chỉ tiêu	Giá trị VND
1. Chi phí khấu hao	50.047.093.321
2. Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	-
3. Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn và tài sản thế chấp	-
4. Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	5.952.863.943
5. Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	-
6. Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	211.845.093.983
7. Chi phí lãi vay	373.265.022.418
8. Chi phí chênh lệch do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	234.799.699.394
9. Chi phí hoặc thu nhập khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	2.121.600.375
10. Chi phí tài chính và các chi phí không bằng tiền khác trong hoạt động kinh doanh của công ty	32.403.826.987
Tổng các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	910.435.200.421

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

TT	Chỉ tiêu	Giá trị VND
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	285.964.661.547
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	143.847.976.674
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	305.644.268.021
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	735.456.906.242
5	Vốn khả dụng	6.471.392.405.639
6	Tỷ lệ vốn khả dụng (6=5/4)	879,91%

Trương Thị Kim Dung
Kế toán trưởng

Phan Tuyết Minh
Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ



Shin Hyun Jae
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0305066125 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 05 tháng 07 năm 2007. Công ty hoạt động theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động kinh doanh chứng khoán số 56/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 7 năm 2007 và các Giấy phép điều chỉnh (Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 06/GPĐC-UBCK được cấp ngày 13 tháng 1 năm 2026).

Hoạt động chính trong năm của Công ty là môi giới chứng khoán, cho vay ký quỹ, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

2.1 Văn bản pháp quy và các diễn giải được áp dụng

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("Báo cáo") được lập và trình bày phù hợp với quy định trong Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 ("Thông tư 91/2020/TT-BTC") quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính, Thông tư 102/2025/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 29 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 102/2025/TT-BTC") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 91/2020/TT-BTC) và các diễn giải được áp dụng liệt kê dưới đây.

Báo cáo này được lập nhằm tuân thủ quy định về quản lý an toàn tài chính và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Do đó, Báo cáo này không phục vụ mục đích sử dụng nào khác.

Các diễn giải được Công ty áp dụng trong một số trường hợp đặc thù không có hướng dẫn cụ thể trong Thông tư 91/2020/TT-BTC và Thông tư 102/2025/TT-BTC bao gồm:

STT	Khoản mục	Cách thức diễn giải của Công ty
1	Rủi ro thị trường – Rủi ro tăng thêm (Khoản 5, Điều 9)	Giá trị rủi ro thị trường tăng thêm được tính bằng giá trị rủi ro thị trường nhân với hệ số rủi ro tăng thêm.
2	Rủi ro thanh toán – Rủi ro tăng thêm (Khoản 8, Điều 10)	Giá trị rủi ro thanh toán tăng thêm được tính bằng giá trị rủi ro thanh toán nhân với hệ số rủi ro tăng thêm.
3	Rủi ro thị trường – Chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành do công ty chứng khoán phát hành (Khoản 8, Điều 9)	Nếu giá trị rủi ro thị trường tính theo công thức quy định là số âm, Công ty xác định giá trị rủi ro thị trường trong trường hợp này là 0.
4	Rủi ro thị trường – Hợp đồng tương lai (Khoản 9, Điều 9)	Nếu giá trị rủi ro thị trường tính theo công thức quy định là số âm, Công ty xác định giá trị rủi ro thị trường trong trường hợp này là 0.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.2 Cơ sở số liệu tài chính

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (“ngày lập báo cáo” hoặc “ngày tính toán”) và cho giai đoạn 12 tháng tính đến ngày lập báo cáo.

Đơn vị tiền tệ được trình bày trên Báo cáo là Đồng Việt Nam (“Đồng” hoặc “VND”).

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

3.1 Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

3.2 Vốn khả dụng

Theo Thông tư 91/2020/TT-BTC và Thông tư 102/2025/TT-BTC, vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chín mươi (90) ngày, bao gồm:

- a) Vốn góp của chủ sở hữu, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- b) Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- c) Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - cấu phần vốn (đối với công ty chứng khoán có phát hành trái phiếu chuyển đổi);
- d) Vốn khác của chủ sở hữu;
- đ) Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý;
- e) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ
- f) Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
- g) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập phù hợp với quy định của pháp luật;
- h) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không bao gồm giá trị các khoản theo quy định tại Thuyết minh 3.2.1(f) và Thuyết minh 3.2.2(a);
- i) Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản;
- j) Năm mươi phần trăm (50%) phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật (trong trường hợp định giá tăng), hoặc trừ đi toàn bộ phần giá trị giảm đi (trong trường hợp định giá giảm);
- k) Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định;
- l) Chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- m) Các khoản giảm trừ theo quy định tại Thuyết minh 3.2.1;
- n) Các khoản tăng thêm theo quy định tại Thuyết minh 3.2.2;
- o) Vốn khác (nếu có).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.2 Vốn khả dụng (tiếp theo)

3.2.1 Các khoản giảm trừ

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh giảm trừ bởi các khoản mục sau:

- a) Cổ phiếu quỹ (nếu có);
- b) Giá trị ký quỹ, bao gồm:
 - Giá trị bằng tiền, chứng khoán mà Công ty đóng góp vào quỹ bù trừ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - Giá trị bằng tiền, chứng khoán mà Công ty ký quỹ cho giao dịch đầu tư, tự doanh, tạo lập thị trường đối với chứng khoán phái sinh;
 - Các khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng lưu ký trong trường hợp Công ty phát hành chứng quyền có bảo đảm. Nếu Công ty có tài sản đảm bảo để ngân hàng thực hiện bảo lãnh thanh toán khi phát hành chứng quyền có bảo đảm thì giá trị giảm trừ là giá trị nhỏ nhất của (i) giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng và (ii) giá trị tài sản đảm bảo được xác định theo quy định tại Thuyết minh 3.4.4;
- c) Giá trị tài sản dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ của Công ty và tổ chức, cá nhân khác có thời hạn còn lại trên chín mươi (90) ngày. Trường hợp tài sản đảm bảo được sử dụng cho nhiều nghĩa vụ của Công ty, khoản giảm trừ được tính theo tỷ lệ tương ứng cho mỗi nghĩa vụ của Công ty (Giá trị còn lại của nghĩa vụ/tài sản đảm bảo). Giá trị tài sản được xác định theo quy định của Thuyết minh 3.4.4;
- d) Nhóm chứng khoán bị loại khỏi vốn khả dụng, bao gồm:
 - Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty bao gồm: (i) công ty mẹ, công ty con của Công ty và (ii) công ty con của công ty mẹ của Công ty.
 - Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày kể từ ngày tính toán.
- e) Trường hợp đối tác đã hoàn toàn mất khả năng thanh toán, toàn bộ khoản thiệt hại tính theo giá trị hợp đồng phải được giảm trừ đi từ vốn khả dụng.
- f) Toàn bộ phần giá trị giảm đi so với giá thị trường xác định theo Thông tư 91/2020/TT-BTC của các tài sản tài chính ghi theo giá trị ghi sổ, ngoại trừ nhóm chứng khoán bị loại khỏi vốn khả dụng;
- g) Các chỉ tiêu trong tài sản dài hạn (sau khi được giảm trừ theo nguyên tắc (*) dưới đây);
- h) Các khoản phải thu và tạm ứng có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên chín mươi (90) ngày, các khoản trả trước và tài sản ngắn hạn khác (không bao gồm dự phòng đã lập và các hợp đồng, giao dịch nêu tại Thuyết minh 3.4(j));

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.2 Vốn khả dụng (tiếp theo)

3.2.1 Các khoản giảm trừ (tiếp theo)

- i) Các khoản bị ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc bị từ chối đưa ra ý kiến (nếu có) trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét. Trường hợp tổ chức kiểm toán xác nhận là đã hết ngoại trừ thì Công ty không phải trừ đi khoản này.
- (*) Khi xác định các chỉ tiêu tài sản giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty được điều chỉnh giảm phần giá trị giảm trừ như sau:
 - Đối với tài sản dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ của chính Công ty, khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của (i) giá trị thị trường của tài sản đó xác định theo Thông tư 91/2020/TT-BTC, (ii) giá trị sổ sách và (iii) giá trị còn lại của nghĩa vụ;
 - Đối với tài sản được bảo đảm bằng tài sản của khách hàng, khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của (i) giá trị tài sản bảo đảm xác định theo Thông tư 91/2020/TT-BTC và (ii) giá trị sổ sách.

Theo Thông tư 91/2020/TT-BTC, Công ty không phải tính giá trị các loại rủi ro đối với các chỉ tiêu tài sản đã giảm trừ khỏi vốn khả dụng.

3.2.2 Các khoản tăng thêm

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh tăng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu, bởi giá trị của các khoản mục sau:

- a) Toàn bộ phần giá trị tăng thêm so với giá thị trường xác định theo Thông tư 91/2020/TT-BTC của các tài sản tài chính ghi theo giá trị ghi sổ, ngoại trừ nhóm chứng khoán bị loại khỏi vốn khả dụng nêu tại mục 3.2.1;
- b) Các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu

Các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu thuộc một trong hai nhóm sau và thỏa mãn tất cả các điều kiện liệt kê dưới đây:

- Trái phiếu chuyển đổi (trừ cấu phần vốn đã được tính vào vốn khả dụng), cổ phiếu ưu đãi có kỳ hạn ban đầu tối thiểu là năm (5) năm mà Công ty không được mua lại trước hạn hoặc chỉ được mua lại trước thời hạn khi điều khoản trái phiếu quy định tổ chức phát hành được mua lại trái phiếu trước hạn theo đề nghị của người sở hữu trái phiếu hoặc mua lại trên thị trường thứ cấp nhưng việc mua lại phải đảm bảo duy trì tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu và sau khi đã báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của Thông tư 91/2020/TT-BTC; hoặc
- Công cụ nợ mà trong mọi trường hợp, chủ nợ chỉ được thanh toán sau khi Công ty đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác và có kỳ hạn ban đầu tối thiểu mười (10) năm;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.2 Vốn khả dụng (tiếp theo)

3.2.2 Các khoản tăng thêm (tiếp theo)

b) Các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Các điều kiện để khoản nợ được xem là có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu bao gồm:

- Không được bảo đảm bằng tài sản của chính Công ty;
- Công ty được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ;
- Trong trường hợp Công ty giải thể, người sở hữu chỉ được thanh toán sau khi Công ty đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác;
- Việc điều chỉnh tăng lãi suất phải đảm bảo như sau: Đối với lãi suất cố định, việc điều chỉnh tăng lãi suất cộng thêm vào lãi suất tham chiếu chỉ được thực hiện sau năm (05) năm kể từ ngày phát hành, ký kết hợp đồng và chỉ được điều chỉnh một (01) lần trong suốt thời hạn của nợ thứ cấp; Đối với lãi suất tính theo công thức, công thức không được thay đổi và chỉ được thay đổi biên độ trong công thức (nếu có) một (01) lần sau năm (05) năm kể từ ngày phát hành, ký kết hợp đồng;
- Khoản nợ đã được đăng ký bổ sung vốn khả dụng theo quy định của Thông tư 91/2020/TT-BTC.

Khi xác định giá trị các khoản tăng thêm vào vốn khả dụng từ các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu này, Công ty phải tính giảm dần theo nguyên tắc sau:

- Trong thời gian năm (5) năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm;
- Trong thời hạn bốn (4) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, Công ty khấu trừ tiếp 25% giá trị còn lại sau khi đã khấu trừ 20% giá trị ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.3 Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu và dự kiến sẽ sở hữu theo cam kết bảo lãnh phát hành biến động theo chiều hướng bất lợi.

Kết thúc ngày giao dịch, Công ty phải xác định giá trị rủi ro thị trường đối với các nhóm sau đây:

- Nhóm 1: Nhóm chứng khoán và tài sản tính rủi ro trên vị thế ròng;
- Nhóm 2: Chứng khoán mà Công ty bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn chưa phân phối và chưa nhận thanh toán đầy đủ trong thời gian bảo lãnh phát hành;
- Nhóm 3: Chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành do Công ty phát hành;
- Nhóm 4: Hợp đồng tương lai.

Nhóm 1 và Nhóm 2 không bao gồm:

- Cổ phiếu quỹ;
- Nhóm chứng khoán bị loại khỏi vốn khả dụng nêu tại Thuyết minh 3.2.1;
- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn;
- Chứng khoán đã được phòng ngừa rủi ro bởi chứng quyền bán hoặc hợp đồng tương lai;
- Chứng quyền bán và hợp đồng quyền bán được sử dụng để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở.

3.3.1 Nhóm chứng khoán và tài sản tính rủi ro trên vị thế ròng

a) Phạm vi áp dụng

Nhóm này bao gồm:

- Chứng khoán trên tài khoản tự doanh không bao gồm số lượng chứng quyền có bảo đảm không phát hành hết (đối với công ty chứng khoán), tài khoản giao dịch chứng khoán (đối với công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán không có nghiệp vụ tự doanh), chứng khoán ủy thác, chứng khoán đầu tư khác. Các chứng khoán trên bao gồm cả số chứng khoán trong quá trình nhận chuyển giao từ bên bán;
- Chứng khoán nhận hỗ trợ từ các cá nhân, tổ chức khác theo quy định của pháp luật, bao gồm chứng khoán đi vay cho bản thân Công ty, chứng khoán đi vay thay mặt cho các cá nhân, tổ chức khác;
- Chứng khoán của khách hàng mà Công ty nhận làm tài sản đảm bảo, sau đó được Công ty sử dụng hoặc cho một bên thứ ba vay phù hợp với quy định của pháp luật;
- Tiền, các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, các loại giấy tờ có giá thuộc sở hữu của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.3 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

3.3.1 Nhóm chứng khoán và tài sản tính rủi ro trên vị thế ròng (tiếp theo)

b) Phương pháp tính giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường = Vị thế ròng đối với một chứng khoán x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

Trong đó:

- Vị thế ròng đối với một chứng khoán tại một thời điểm là số lượng chứng khoán đang nắm giữ của Công ty tại thời điểm lập Báo cáo, sau khi đã điều chỉnh như sau:
 - Giảm số chứng khoán cho vay, số chứng khoán được phòng ngừa bởi chứng quyền bán, hợp đồng tương lai;
 - Tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.
- Nguyên tắc xác định giá tài sản được trình bày tại Thuyết minh 3.3.5. Các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi của chứng khoán (nếu có) hoặc lãi cho vay của tiền gửi, các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá phải được điều chỉnh tăng thêm vào giá trị tài sản khi xác định giá trị rủi ro thị trường.
- Hệ số rủi ro thị trường được xác định chi tiết cho từng khoản mục tài sản theo quy định trong phụ lục II của Thông tư 91/2020/TT-BTC và được trình bày tại phần A của Bảng tính giá trị rủi ro trong Báo cáo.

c) Giá trị rủi ro tăng thêm

Giá trị rủi ro thị trường của mỗi tài sản phải được điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào chứng khoán và phần vốn góp của một tổ chức chiếm từ trên 10% đến 15% vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào chứng khoán và phần vốn góp của một tổ chức chiếm từ trên 15% đến 25% vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào chứng khoán và phần vốn góp của một tổ chức chiếm từ trên 25% trở lên vốn chủ sở hữu của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.3 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

3.3.2 Chứng khoán mà Công ty phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn chưa phân phối và chưa nhận thanh toán đầy đủ trong thời gian bảo lãnh phát hành

Giá trị rủi ro thị trường của nhóm chứng khoán này được xác định theo công thức sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thị trường} = (Q_o \times P_o - V_c) \times R \times \left[r + \frac{(P_o - P_1)}{P_o} \times 100\% \right]$$

Trong đó:

- Q_o là số chứng khoán còn lại chưa phân phối hoặc đã phân phối nhưng chưa nhận thanh toán;
- P_o là giá bảo lãnh phát hành;
- V_c là giá trị tài sản đảm bảo (nếu có). Giá trị tài sản đảm bảo được xác định theo quy định tại Thuyết minh 3.4.4;
- R là hệ số rủi ro phát hành. Hệ số rủi ro phát hành được xác định căn cứ vào khoảng thời gian còn lại tính tới thời điểm kết thúc đợt phân phối theo quy định tại hợp đồng, nhưng không vượt quá thời hạn được phép phân phối theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

	Hệ số rủi ro phát hành
Khoảng thời gian còn lại tính tới ngày cuối cùng của thời hạn phân phối	
Trên sáu mươi (60) ngày	20%
Từ ba mươi (30) ngày tới sáu mươi (60) ngày	40%
Dưới ba mươi (30) ngày	60%
Trong thời gian kể từ ngày kết thúc thời hạn phân phối tới ngày phải thanh toán cho tổ chức phát hành	80%

- r là hệ số rủi ro thị trường. Hệ số rủi ro thị trường được xác định chi tiết cho từng khoản mục tài sản theo quy định trong phụ lục I của Thông tư 102/2025/TT-BTC và được trình bày tại phần A của Bảng tính giá trị rủi ro trong Báo cáo;
- P_1 : là giá giao dịch. Nguyên tắc xác định giá giao dịch được trình bày ở Thuyết minh 3.3.5. Trường hợp phát hành lần đầu ra công chúng, kể cả đấu giá cổ phần hóa lần đầu, đấu thầu trái phiếu, thì giá giao dịch bằng giá trị sổ sách trên một cổ phiếu của tổ chức phát hành được xác định tại thời điểm gần nhất, hoặc giá khởi điểm (nếu không xác định được giá trị sổ sách), hoặc mệnh giá (đối với trái phiếu).

Sau ngày cuối cùng phải thanh toán cho tổ chức phát hành, Công ty phải xác định giá trị rủi ro thị trường đối với số chứng khoán không thể phân phối hết theo quy định tại Thuyết minh 3.3.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.3 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

3.3.3 Chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành do Công ty phát hành

Chứng quyền có lãi là chứng quyền mua có giá thực hiện (chỉ số thực hiện) thấp hơn giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở hoặc chứng quyền bán có giá thực hiện (chỉ số thực hiện) cao hơn giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở.

Giá thực hiện là mức giá mà người sở hữu chứng quyền có quyền mua (đối với chứng quyền mua) hoặc bán (đối với chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở (cổ phiếu hoặc chứng chỉ quỹ ETF) cho tổ chức phát hành, hoặc được tổ chức phát hành dùng để xác định khoản thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.

Đối với các chứng quyền có lãi, Công ty xác định giá trị rủi ro thị trường theo công thức sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thị trường} = \text{Max} \{ (P_0 \times Q_0 / k - P_1 \times Q_1) \times r - \text{MD}, 0 \}$$

Trong đó:

- P_0 là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày tính toán;
- Q_0 là số lượng chứng quyền đang lưu hành của Công ty;
- k là tỷ lệ chuyển đổi. Tỷ lệ chuyển đổi cho biết số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở;
- P_1 là giá của chứng khoán cơ sở được xác định theo quy định tại Thuyết minh 3.3.5;
- Q_1 là số lượng chứng khoán cơ sở mà Công ty dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán chứng quyền có bảo đảm do mình phát hành;
- r là hệ số rủi ro thị trường của chứng quyền được xác định theo quy định trong Phụ lục I của Thông tư 102/2025/TT-BTC và được trình bày tại phần A của Bảng tính giá trị rủi ro trong Báo cáo;
- MD là giá trị ký quỹ khi Công ty phát hành chứng quyền có bảo đảm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.3 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

3.3.3 Chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành do Công ty phát hành (tiếp theo)

Chứng khoán cơ sở để tính toán rủi ro thị trường theo công thức nêu trên phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Đã có trong phương án phát hành hoặc đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc sử dụng chứng khoán này trên tài khoản tự doanh để phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm;
- Là chứng khoán cơ sở của chứng quyền có bảo đảm.

Trường hợp chứng quyền do Công ty phát hành không có lãi như quy định của Thông tư 91/2020/TT-BTC, Công ty không phải tính rủi ro thị trường đối với chứng quyền đã phát hành nhưng phải tính rủi ro thị trường đối với chứng khoán cơ sở hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền đã phát hành.

Công ty phải tính rủi ro thị trường đối với phần chênh lệch dương giữa giá trị chứng khoán cơ sở do Công ty dùng để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do mình phát hành và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm. Giá trị cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm phải tương ứng với giá trị phòng ngừa.

3.3.4 Hợp đồng tương lai

Giá trị rủi ro thị trường đối với hợp đồng tương lai được xác định theo công thức sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thị trường} = \text{Max} \left\{ \left(\text{Giá trị thanh toán cuối ngày} - \text{Giá trị chứng khoán mua vào} \right) \times \frac{\text{Hệ số rủi ro thị trường của hợp đồng tương lai}}{\text{Giá trị ký quỹ}}, 0 \right\}$$

Trong đó:

- Giá trị thanh toán cuối ngày = Giá thanh toán cuối ngày x khối lượng mở;
- Khối lượng mở là khối lượng chứng khoán phái sinh đang còn lưu hành tại thời điểm tính toán, chưa được thanh lý hoặc chưa được tất toán;
- Giá trị chứng khoán mua vào là giá trị chứng khoán cơ sở mà Công ty mua vào để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai;
- Giá trị ký quỹ là phần giá trị tài sản mà Công ty ký quỹ cho giao dịch đầu tư, tự doanh, tạo lập thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.3 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

3.3.5 Giá tài sản

Giá tài sản được xác định theo quy định của Thông tư 102/2025/TT-BTC, cụ thể như sau:

TT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tài khoản tại ngày tính toán
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tính tại ngày tính toán
3	Tiền gửi có kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tới ngày tính toán
4	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính đến ngày tính toán
Trái phiếu		
5	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none">- Giá bình quân tại ngày giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế tính từ kỳ trả lãi cuối phiếu gần nhất đến ngày giao dịch (nếu giá bình quân chưa bao gồm lãi lũy kế);- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:<ul style="list-style-type: none">+ Giá của kỳ tính toán gần nhất nhưng không quá 90 ngày tính đến ngày tính toán cộng lãi lũy kế;+ Giá mua cộng lãi lũy kế;+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế;+ Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty, bao gồm cả lãi lũy kế.
6	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none">- Giá bình quân của giá trái phiếu trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế tính từ kỳ trả lãi cuối phiếu gần nhất đến ngày giao dịch (nếu giá bình quân chưa bao gồm lãi lũy kế);- Trường hợp trái phiếu chưa được giao dịch tập trung tại Sở giao dịch chứng khoán hoặc trái phiếu không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày tính toán hoặc trái phiếu bị hủy đăng ký giao dịch, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:<ul style="list-style-type: none">+ Giá của kỳ tính toán gần nhất nhưng không quá 90 ngày tính đến ngày tính toán cộng lãi lũy kế;+ Giá mua cộng lãi lũy kế;+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế;+ Giá theo quy định nội bộ của Công ty, bao gồm cả lãi lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.3 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

3.3.5 Giá tài sản (tiếp theo)

TT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu		
7	Cổ phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none">- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo Quy chế do Sở giao dịch chứng khoán ban hành) của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán;- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày tính toán hoặc bị hủy niêm yết, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:<ul style="list-style-type: none">+ Giá trị sổ sách;+ Giá mua;+ Giá xác định theo quy định nội bộ của Công ty
8	Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCoM	<ul style="list-style-type: none">- Giá tham chiếu (hoặc tên gọi khác theo Quy chế do Sở giao dịch chứng khoán ban hành) của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán;- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày tính toán hoặc bị hủy đăng ký giao dịch, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:<ul style="list-style-type: none">+ Giá trị sổ sách;+ Giá mua;+ Giá xác định theo quy định nội bộ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.3 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

3.3.5 Giá tài sản (tiếp theo)

TT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
9	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none">- Giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu 3 công ty chứng khoán không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán.- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 3 công ty chứng khoán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:<ul style="list-style-type: none">+ Giá từ các báo giá;+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất;+ Giá trị sổ sách;+ Giá mua;+ Giá theo quy định nội bộ của Công ty.
10	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: <ul style="list-style-type: none">+ Giá trị sổ sách;+ Mệnh giá;+ Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.
11	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó (giá cổ phiếu được chia do tổ chức giải thể, phá sản công bố hoặc giá trị sổ sách) tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất, hoặc giá theo quy định nội bộ của Công ty.
12	Cổ phần, phần vốn góp khác	Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: <ul style="list-style-type: none">+ Giá trị sổ sách;+ Giá mua/giá trị vốn góp;+ Giá theo quy định nội bộ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.3 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

3.3.5 Giá tài sản (tiếp theo)

TT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán/cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán		
13	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết/Cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	<ul style="list-style-type: none">- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo Quy chế do Sở giao dịch chứng khoán ban hành) tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày tính toán;- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày tính toán hoặc hủy niêm yết do chuyển Sở giao dịch chứng khoán giá được xác định là giá trị lớn nhất trong các mức giá sau:<ul style="list-style-type: none">+ Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ/cổ phiếu được công bố thông tin theo quy định tại ngày gần nhất trước ngày tính toán;+ Giá mua;+ Giá xác định theo quy định nội bộ của Công ty.
14	Quỹ thành viên/cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ	Giá trị tài sản ròng NAV trên một đơn vị phần vốn góp/cổ phiếu tại kỳ báo cáo/kỳ định giá gần nhất trước ngày tính toán
15	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin theo quy định tại ngày gần nhất trước ngày tính toán
16	Các trường hợp khác	Theo quy định nội bộ của Công ty
Tài sản cố định		
17	Quyền sử dụng đất	Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do Công ty lựa chọn
18	Nhà cửa/vật kiến trúc bao gồm cả các hạng mục xây dựng cơ bản dở dang	Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do Công ty lựa chọn/chi phí xây dựng cơ bản dở dang lũy kế
19	Các trang thiết bị, máy móc, phương tiện	Giá trị còn lại của tài sản
20	Các tài sản cố định khác	Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do Công ty lựa chọn
Chứng khoán khác		
21	Chứng quyền có bảo đảm do tổ chức kinh doanh chứng khoán khác phát hành	<ul style="list-style-type: none">- Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán;- Giá mua (nếu chứng quyền có bảo đảm chưa niêm yết).
22	Cổ phiếu niêm yết trên thị trường nước ngoài	<ul style="list-style-type: none">- Giá (theo đồng ngoại tệ) x Tỷ giá chuyển đổi sang đồng tại ngày tính toán;- Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán;- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:<ul style="list-style-type: none">+ Giá trị sổ sách;+ Giá mua;+ Giá xác định theo quy định nội bộ của Công ty

Lãi lũy kế là khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm tính toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.3 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

3.3.5 *Giá tài sản (tiếp theo)*

Giá trái phiếu có giao dịch được tính theo quy định tại mục 5 và 6 nhưng biên độ dao động giá không quá 10% giá trái phiếu bình quân của 15 ngày giao dịch gần nhất trước đó.

Giá trị sổ sách quy định là giá trị sổ sách của một cổ phiếu (book value per share) được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét. Trường hợp tổ chức phát hành là công ty mẹ, giá trị sổ sách được tính trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn theo cam kết.

Kết thúc ngày giao dịch, Công ty phải xác định giá trị rủi ro thanh toán đối với các hợp đồng, giao dịch sau đây:

Khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán	Rủi ro thanh toán
a) Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng phát hành; b) Hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; c) Hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; d) Hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; đ) Hợp đồng cho vay mua kỳ quỹ chứng khoán niêm yết phù hợp với quy định của pháp luật; e) Các khoản phải thu trong hoạt động kinh doanh chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; f) Các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác.	Giá trị rủi ro trước thời hạn thanh toán = Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán x Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác Giá trị rủi ro quá thời hạn thanh toán = Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán x Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian
g) Hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà Công ty là tổ chức bảo lãnh phát hành chính.	Giá trị rủi ro thanh toán được xác định bằng 30% giá trị còn lại của các hợp đồng bảo lãnh phát hành chưa được thanh toán
h) Các khoản phải thu trái phiếu đã đáo hạn, các giấy tờ có giá, công cụ nợ đã đáo hạn mà chưa được thanh toán; i) Tài sản quá thời hạn chuyển giao, kể cả chứng khoán trong hoạt động kinh doanh của Công ty, chứng khoán của khách hàng trong hoạt động môi giới chứng khoán.	Giá trị rủi ro quá thời hạn thanh toán = Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán x Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán

Khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán	Rủi ro thanh toán
j) Các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn ngoài các giao dịch, hợp đồng được ghi nhận ở các điểm a, b, c, d, đ, e, g nêu trên; các hợp đồng cam kết mua lại, bán lại chứng khoán hoặc các hợp đồng có tính chất tương tự trừ các hợp đồng quy định tại điểm c, d nêu trên; các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Việt Nam (DATC).	Hợp đồng, thỏa thuận đặt cọc mua bất động sản, các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất: Giá trị rủi ro thanh toán = Giá trị toàn bộ tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán x 150% Các khoản cho vay, phải thu khách hàng không thuộc điểm đ, e nêu trên: Giá trị rủi ro thanh toán = Giá trị toàn bộ tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán x 150% Các hợp đồng, giao dịch khác: Giá trị rủi ro thanh toán = Giá trị toàn bộ tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán x 100%.
k) Giá trị toàn bộ các khoản tạm ứng có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày (không bao gồm khoản được gia hạn, trường hợp gia hạn được tính giảm trừ vốn khả dụng theo quy định tại Thuyết minh 3.2.1(g)): <ul style="list-style-type: none">- Chiếm từ 0% đến 2% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán- Chiếm từ trên 2% đến dưới 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán- Chiếm từ trên 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	Giá trị rủi ro thanh toán = Giá trị toàn bộ tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán x 8% Giá trị rủi ro thanh toán = Giá trị toàn bộ tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán x 50% Giá trị rủi ro thanh toán = Giá trị toàn bộ tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán x 100%

Trường hợp đối tác đã hoàn toàn mất khả năng thanh toán, toàn bộ khoản thiệt hại tính theo giá trị hợp đồng phải được giảm trừ đi từ vốn khả dụng.

Hệ số rủi ro thanh toán được xác định theo đối tác và theo thời gian quá hạn quy định trong Thông tư 91/2020/TT-BTC.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán (tiếp theo)

3.4.1 Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác

TT	Đối tác thanh toán cho Công ty	Hệ số rủi ro thanh toán
1	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	0%
2	Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	0,8%
3	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty	3,2%
4	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty	4,8%
5	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6%
6	Các tổ chức, cá nhân, đối tượng khác	8%

3.4.2 Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian

TT	Thời gian quá hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	Hệ số rủi ro thanh toán
1	0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%
2	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%
3	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%
4	Trên 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán (tiếp theo)

3.4.3 Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi nếu phát sinh (đối với chứng khoán), hoặc lãi tiền gửi, lãi cho vay và các khoản phụ phí khác (đối với các khoản tín dụng).

Đối với các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn, các công cụ nợ đã đáo hạn, giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại, giao dịch khác được xác định như sau:

STT	Loại hình giao dịch	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
1	Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo, các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn theo Thuyết minh 3.4 (j)	Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, giá trị khoản cho vay, giá trị hợp đồng, giá trị giao dịch cộng với các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi (đối với chứng khoán) hoặc lãi tiền gửi, lãi cho vay, khoản phụ phí khác (đối với khoản tín dụng)
2	Cho vay chứng khoán (hoặc các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất)	$\text{Max} \{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} - \text{Giá trị tài sản đảm bảo (nếu có)}), 0\}$
3	Vay chứng khoán (hoặc các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất)	$\text{Max} \{(\text{Giá trị tài sản đảm bảo} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng}), 0\}$
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại (hoặc các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất)	$\text{Max} \{(\text{Giá trị hợp đồng tính theo giá mua} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường})), 0\}$
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại (hoặc các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất)	$\text{Max} \{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường}) - \text{Giá trị hợp đồng tính theo giá bán}), 0\}$
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán) (hoặc các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất)	$\text{Max} \{(\text{Số dư nợ} - \text{Giá trị tài sản đảm bảo}), 0\}$

Số dư nợ bao gồm giá trị khoản vay, lãi vay và các loại phí.

Trường hợp tài sản đảm bảo của khách hàng không có giá tham khảo theo thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán (tiếp theo)

3.4.3 Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán (tiếp theo)

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng khoán như sau:

TT	Thời gian	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro
A - Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là Công ty hoặc khách hàng của Công ty trong hoạt động môi giới)		
1	Trước thời hạn nhận thanh toán	0
2	Sau thời hạn nhận thanh toán	Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp giá thị trường thấp hơn giá giao dịch)
		0 (trong trường hợp giá thị trường cao hơn giá giao dịch)
B - Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là Công ty hoặc khách hàng của Công ty)		
1	Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	0
2	Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp giá thị trường thấp hơn giá giao dịch)
		0 (trong trường hợp giá thị trường cao hơn giá giao dịch)

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán được xác định như sau:

<u>Loại chứng khoán/giao dịch</u>	<u>Thời hạn thanh toán</u>
Chứng khoán phái sinh (CKPS)	Theo quy định hiện hành đối với CKPS
Cổ phiếu niêm yết	T+2
Trái phiếu niêm yết	T+1
Giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống	T+n, trong đó n theo thỏa thuận của hai bên

3.4.4 Giảm trừ giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Ngoại trừ giao dịch, hợp đồng quy định tại Thuyết minh 3.4 (j) và Thuyết minh 3.4 (k), Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản đảm bảo của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Đối tác, khách hàng có tài sản đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản đảm bảo là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên các sở giao dịch chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
- Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản đảm bảo trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán (tiếp theo)

3.4.4 Giảm trừ giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán (tiếp theo)

Giá trị tài sản được giảm trừ được xác định như sau:

Giá trị tài sản đảm bảo = Khối lượng tài sản x Giá tài sản x (1- Hệ số rủi ro thị trường)

Trong đó:

- Giá tài sản được xác định theo quy định tại Thuyết minh 3.3.5.
- Hệ số rủi ro thị trường được xác định chi tiết cho từng khoản mục tài sản theo quy định trong phụ lục II của Thông tư 102/2025/TT-BTC và được trình bày tại phần A của Bảng tính giá trị rủi ro trong Báo cáo.

3.4.5 Bù trừ song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được bù trừ song phương khi:

- Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch;
- Việc bù trừ ròng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

3.4.6 Tăng thêm giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 10% đến 15% vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 15% đến 25% vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ trên 25% vốn chủ sở hữu trở lên.

Nhóm tổ chức, cá nhân liên quan tới một tổ chức hoặc một cá nhân (sau đây gọi là nhóm tổ chức, cá nhân liên quan) là tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

3 PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.5 Giá trị rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do nguyên nhân khách quan khác.

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định là giá trị lớn nhất của các giá trị sau:

- 25% chi phí để tính rủi ro hoạt động của Công ty trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới thời điểm tính toán;
- 20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật.

Chi phí để tính rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ trừ đi:

- Chi phí khấu hao;
- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn và tài sản thế chấp;
- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn;
- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu;
- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác;
- Chi phí chênh lệch giảm do đánh giá lại tại sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)
- Chi phí lãi vay;
- Chi phí chênh lệch do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành;
- Chi phí hoặc thu nhập khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện;
- Chi phí tài chính và các chi phí không bằng tiền khác trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 4 tháng 3 năm 2026

Trương Thị Kim Dung
Kế toán trưởng

Phan Tuyết Minh
Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ



Shin Hyun Jae
Tổng Giám đốc